

THỂ CHẾ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC THỜI LÊ-TRỊNH SẢN PHẨM ĐẶC BIỆT CỦA LỊCH SỬ VIỆT NAM THẾ KỶ XVII-XVIII

TRẦN THỊ VINH*

Dẹp xong các thế lực của dư đảng nhà Mạc, uy quyền ngày một cao, Trịnh Tùng gây sức ép với vua Lê, ngày mồng 7 tháng 4 năm Kỷ Hợi (1599), vua Lê Thế Tông phải sai Thái tử Vinh quốc công Hoàng Đình ái đem sách vàng tấn phong cho Đô tướng tiết chế các xứ thủy bộ chư dinh kiêm Tổng nội ngoại Bình chương quân quốc trọng sự Tả tướng Thái úy Trưởng quốc công Trịnh Tùng làm *Đô nguyên súy, Tổng quốc chính, Thượng phụ Bình An vương* (1). Với chức tước mới được phong, Trịnh Tùng ngày càng có nhiều cơ hội để lộng hành thu tóm mọi quyền lực về tay mình. Trịnh Tùng lại còn được phép mở phủ Chúa, đặt quan chức "chính sự quyền bính đều do Tùng tự quyết đoán" (2), "của cải, thuế má, quân lính và nhân dân hết thảy về phủ Chúa" (3). Vua Lê chỉ còn được giữ 5.000 quân túc vệ canh phòng cung điện cùng 7 thớt voi, 20 thuyền rồng và 1.000 xã làm bổng lộc gọi là lộc thượng tiến (4). Từ đây họ Trịnh bắt đầu *thế tập tước vương*, hình thành nên một thể chế chính trị đặc biệt *Cung Vua* và *Phủ Chúa*, mở đầu thời kỳ *Vua Lê - Chúa Trịnh* trong lịch sử Việt Nam.

Trong lịch sử chế độ quân chủ Việt Nam, chưa bao giờ thể chế chính quyền Nhà nước lại mang những nét đặc thù như thời Vua Lê - Chúa Trịnh. Tính trong gần hai thế kỷ tồn tại, kể từ khi họ Trịnh thế tập tước vương (1599) đến năm 1788, vị chúa cuối cùng án đô vương Trịnh Bồng qua đời, quyền cai trị đất nước chủ yếu ở Đàng Ngoài thuộc về 11 vị Chúa (5), tương ứng với 13 đời vua Lê (6). Về tương quan lực lượng trong suốt cả quá trình này thì:

- Bên triều đình, vua Lê luôn bị yếu thế, quyền lực mất dần về tay chúa Trịnh.

- Bên phủ Chúa, chúa Trịnh uy thế ngày một cao, thu tóm mọi quyền hành của vua Lê.

Nhà vua chỉ còn làm một vài nghi thức như "mặc áo long bào, cầm hốt ngọc, nhận lễ triều yết" (7). Còn mọi việc *điều hành* cũng như *tổ chức chính quyền Nhà nước đều do chúa Trịnh núp dưới danh hiệu vua Lê định đoạt*. Thực tế trong việc tổ chức bộ máy chính quyền và hiệu lực của Nhà nước ở thời kỳ này đã chứng tỏ điều đó.

*

Từ khi triều Lê tái lập (1533) đến khi họ Trịnh được thế tập tước vương (1599), mọi

* PGS-TS. Viện Sử học.

tổ chức chính quyền Nhà nước về đại thể vẫn dựa theo khuôn mẫu của thời Lê sơ trước đó, cụ thể là của thời Hồng Đức. Ở triều đình vẫn có tổ chức Lục bộ là: Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình và Công. Điều hành công việc ở các bộ đều có một ban gồm một viên *Thượng thư* cùng hai viên *Tả hữu thị lang* chịu trách nhiệm chung và một cơ quan thường trực gọi là *Vụ tư sảnh*. Thượng thư ở các bộ là viên quan có vị trí cao mang hàm Tổng nhị phẩm. Tả, Hữu thị lang thấp hơn một bậc là Tổng tam phẩm. Còn viên Tư vụ ở Vụ Tư sảnh thì mang hàm Tổng bát phẩm (8). Tùy theo công việc của từng bộ mà ở mỗi bộ có thể có một hoặc nhiều *cơ quan chuyên trách* riêng cũng như *Nha môn thừa hành* riêng. Ví dụ: Bộ Lại và bộ Lễ chỉ có một cơ quan chuyên trách là *Thuyền khảo thanh lại ty* và *Nghi tiết thanh lại ty* do viên Lang trung hàm Chánh lục phẩm và viên Ngoại lang hàm Tổng lục phẩm (9) đảm nhiệm. Trong khi đó, bộ Hình có tới 5 cơ quan chuyên trách là: *Khâm hình thanh lại ty*, *Thận hình thanh lại ty*, *Minh hình thanh lại ty*, *Tường hình thanh lại ty* và *Chánh ngũ hình thanh lại ty* cũng do viên Lang trung hàm Chánh lục phẩm và viên Ngoại lang hàm Tổng lục phẩm (10) phụ trách. Về Nha môn thừa hành thì riêng bộ Lại không có, còn các bộ khác cũng tùy theo công việc của từng bộ mà sắp đặt nhiều ít khác nhau. Như bộ Hình chỉ có một Nha môn thừa hành là *Ngũ hình ty ngục sở* do viên Ty ngục hàm Tổng bát phẩm và viên Ngục thừa hàm Chánh cửu phẩm (11) đảm nhiệm. Nhưng bộ Hộ có tới 7 Nha môn thừa hành là: *Thiên khố ngũ* do viên Khố sứ hàm Tổng bát phẩm và Phó sứ hàm Chánh cửu phẩm phụ trách; *Tài mộc khố*, *Tang phật khố* do viên Khố sứ hàm Tổng bát phẩm và viên Phó sứ hàm Chánh cửu phẩm đảm trách; *Thị mãi ty* (tạp lưu) do

viên Độ trưởng hàm Chánh cửu phẩm cai quản; *Kinh đô các độ* (tạp lưu) do viên Độ trưởng hàm Tổng cửu phẩm quản lý; *Các thuế* (tạp lưu) sứ và *Kinh đô các thị* (tạp lưu) do viên Thị trưởng mang hàm Tổng cửu phẩm đảm nhiệm (12).

Cơ cấu chung của tổ chức các bộ được sắp xếp đại thể như sau (Xem Sơ đồ tổ chức Bộ).

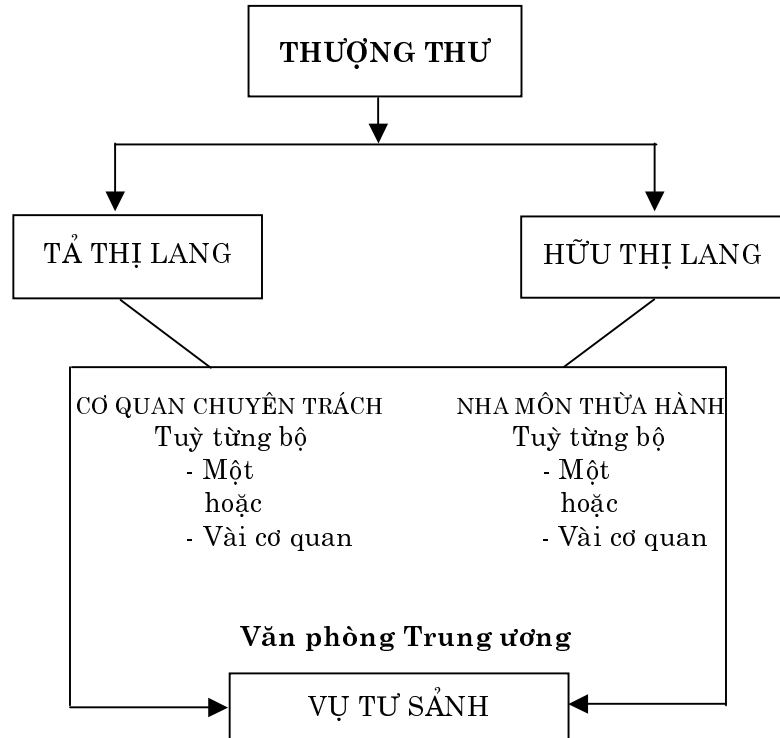
Giúp việc cho Lục bộ có *Lục tự*. Lục tự được thiết lập từ năm 1466 dưới thời Lê Thánh Tông và được tồn tại song song với Lục bộ suốt thời Lê Trung hưng. Bao gồm: Đại lý tự, Thái thường tự, Quang lộc tự, Thái bộc tự, Hồng lô tự và Thượng bảo tự. Đứng đầu mỗi Tự là một viên Tự khanh hàm Chánh ngũ phẩm, một viên Thiếu khanh hàm Chánh lục phẩm và một viên Tự thừa hàm Chánh thất phẩm.

Ngoài Lục tự còn có *Lục khoa*, là cơ quan giám sát công việc của từng bộ tương ứng. Lục khoa ra đời vào năm 1460, gồm có Trung thư khoa, Hải khoa, Đông khoa, Tây khoa, Nam khoa và Bắc khoa. Từ đời Hồng Đức trở đi, sáu khoa trên được đổi thành Lại khoa, Hộ khoa, Lễ khoa, Binh khoa, Hình khoa và Công khoa tương ứng với sáu bộ. Đứng đầu mỗi khoa có chức Đô cấp sự trung hàm Chánh thất phẩm và Cấp sự trung hàm Chánh bát phẩm. Tuy phẩm hàm thấp, nhưng quan đứng đầu Lục khoa lại rất có trọng chức. Mỗi khi có việc ở triều đình, định thứ tự làm việc trước hết là Lục khoa và *Ngự sử đài*.

Trên Lục bộ vẫn có chức Đại tư đồ, Đại tư mã, Đại tư không, Tam thái, Tam thiếu để ưu đãi công thần, đặc biệt là những công thần có công trong buổi trung hưng phù Lê diệt Mạc.

Sau khi được phép lập phủ Chúa, họ Trịnh bắt đầu đặt ra *một hệ thống tổ chức*

Sơ đồ tổ chức Bộ



chính quyền mới ở phủ Chúa tương ứng với tổ chức chính quyền đã có bên cung Vua.

Trước tiên, để bàn việc chính sự ở phủ Chúa, năm 1600, Trịnh Tùng cho bãi bỏ chức Tả hữu tướng và Bình chương của thời trước, đặt ra chức *Tham tụng* (13), đảm đương công việc của *Tể tướng*. Về phẩm thứ tuy chưa quy định, nhưng quyền lực của Tham tụng lại rất lớn, đều do chúa Trịnh tiến cử những viên Thượng thư (là người của Chúa) làm. "Từ đấy về sau, chính sự thuộc về phủ Chúa" (14).

Tiếp theo, năm 1601, Trịnh Tùng cho đặt thêm chức *Bồi tụng*, cũng là chức vụ quan trọng được làm việc trong phủ Chúa. Để dùng người vào chức này, chúa Trịnh cũng tự ý lựa chọn từ những quan lại mang hàm Thị lang hoặc Đô cấp sự trung, như

Nguyễn Danh Thế, Ngô Trí Hòa, họ đều "giữ bản chức mà mang hàm dự vào chính sự dưới chức Tham tụng" (15).

Dưới chức Tham tụng và Bồi tụng ở phủ Chúa còn có cơ quan giúp việc gọi là *Phiên*. Hồi đầu, chúa Trịnh mới đặt ra *Tam phiên*, là: *Hộ phiên*, *Binh phiên* và *Thủy sư phiên* bên cạnh tổ chức Lục bộ của triều đình.

Trịnh Tùng đặt ra Hộ phiên, Binh phiên và Thủy sư phiên lúc này là để đảm trách những công việc mới đặt ra đối với họ Trịnh trong buổi ban đầu. Trịnh Tùng được vua Lê phong lên chức như Đại nguyên soái, nắm hết binh quyền trong nước nên phải đặt ra Binh phiên và Thủy sư phiên để trông coi và kiểm soát mọi việc quân, kể cả thủy quân để đối phó với họ Nguyễn ở Đàng Trong. Bên cạnh việc phong tước

vương, họ Trịnh còn được ban nhiều đất đai, nên chúa Trịnh phải đặt ra Hộ phiên để lo việc thuế má trong phần đất đó. Công việc này không thể để cho bộ Hộ bên triều đình quản lý được.

Tuy đặt ra Tam phiên, song họ Trịnh vẫn xác định chức nhiệm *chủ chốt lúc này vẫn thuộc về Lục bộ bên triều đình*. Nhưng số Thượng thư của sáu bộ lúc đầu đặt còn thiếu, đến thời Trịnh Tạc (năm 1664), mới đặt đủ số lượng. Trong số Thượng thư của sáu bộ có Tham tụng Phạm Công Trứ làm Thượng thư Lại bộ, Bồi tụng Trần Đăng Tuyển làm Thượng thư Hộ bộ (16). Phần lớn Thượng thư ở các bộ đều là những người ở phủ Chúa làm việc dưới quyền chỉ huy của phủ Chúa. Vào năm Đức Nguyên thứ hai (1675), Trịnh Tạc đã cho nhắc lại chế độ và công việc của sáu bộ như sau:

- Bộ Lại giữ công việc quan tước, chọn bổ, xét hạch, thăng giáng và các việc điền bổ (chức khuyết), cấp bổng lộc.

- Bộ Hộ giữ công việc ruộng đất, nhân dân, kho tàng, lương tiền, thu phát và các việc về ruộng lộc, thuế má, muối, sắt.

- Bộ Lễ giữ công việc lễ nghi, tế tự, lễ mừng tiệc yến, việc học, việc thi cử, các chi tiết về mũ áo, ấn dấu, chương tấu, bài biểu, việc đi cống, đi sứ, vào châu. Kiêm coi công việc về thiên văn, y, bốc, táng, đạo, giáo phường, đồng văn, nhã nhạc.

- Bộ Binh giữ công việc binh nhung, cấm vệ, xe ngựa, nghi trượng, khí giới, quân trấn giữ, các dịch trạm, các dân man di hiểm hại, những việc khẩn cấp.

- Bộ Hình giữ công việc luật lệnh, hình pháp, xét lại ngục tụng, xử tội năm hình.

- Bộ Công giữ công việc thành trì, cầu cống, đường sá, xây đắp, thợ thuyền, việc sửa chữa xây dựng cùng là việc cấm chế và núi rừng, vườn tược, sông, đầm (17).

Xét chức trách và nhiệm vụ của sáu bộ ghi trong *Chỉ dụ* năm 1675 thì phạm vi, quyền hạn của Lục bộ hẳn còn rất lớn, giống như dưới thời Hồng Đức. Lục bộ vẫn đóng vai trò là một cơ quan đầu não của Nhà nước thời bấy giờ, nắm giữ toàn bộ những công việc quân, dân, chính trong toàn quốc. Chúa Trịnh lúc đó dù có dùng uy quyền hoặc dùng người của phủ Chúa chỉ phối Lục bộ nhưng trên danh nghĩa chỉ đóng vai trò như là người *phụ tá* bên cạnh vua Lê mà thôi.

Đến năm 1718 (tức 54 năm sau khi Trịnh Tạc kiện toàn tổ chức Lục bộ bên triều đình), Trịnh Cương đã cho lập ra đủ *sáu phiên ở phủ Chúa*. "Lại phiên, Lễ phiên, Hình phiên, Công phiên cùng với Binh phiên và Hộ phiên đặt ra từ trước gọi là *Lục phiên*" (18) tương ứng với Lục bộ bên triều đình. Từ đây "phạm những việc tiền tài, thuế khóa, việc quân, việc dân ở trong cung cùng ở bốn trấn, hai xứ Thanh - Nghệ, các trấn ngoại phiên đều thuộc cả về các phiên ty" (19).

Công việc thuế khóa trước kia do 46 hiệu (20) đứng ra trưng thu, nay Trịnh Cương đã đem các hiệu ấy gộp lại thành sáu cung thường gọi là Lục cung (21) cho trực thuộc vào Lục phiên là: Tả trung cung, Hữu trung cung, Đông cung (có các hiệu Đông giáp, Đông ất), Nam cung (có các hiệu Nam giáp, Nam ất), Đoài cung (có các hiệu Đoài giáp, Đoài ất) và Bắc cung (có các hiệu Bắc giáp, Bắc ất). "Phạm sổ sách về tô thuế, thuế dung thuộc cung nào, thì các quan trong Lục phiên theo chức phận của mình chia nhau quản lĩnh, chính lệnh về tài sản, thuế khóa và binh lính, dân đinh ở các trấn đều thuộc về Lục cung" (22). Số tên hiệu trong các cung đặt ra "rất nhiều và phiên phức, mà công việc tài chính và thuế khóa không còn liên quan gì đến Hộ

bộ nữa" (23). *Từ đây chính sự trong nước về hết Lục phiên, mà Lục bộ, Lục tự chỉ đặt ra cho đủ vị mà thôi* (24).

Quan lại làm việc ở các phiên do quan văn đảm nhiệm, đứng đầu là *Tri phiên*, tiếp đến *Phó tri phiên* (Phó đô) và *Thiêm tri phiên* (Thiêm đô) cùng thuộc lại tất cả 60 người (25). Lúc đầu, với chức năng chủ yếu là thu thuế, nên những quan lại đứng đầu các phiên chưa mấy quan trọng, nhà Chúa đã trao cho 2 người giữ chức Tri phiên cùng với 2 Phó tri phiên và 2 Thiêm tri phiên, cả thảy là 6 người. Các viên quan này có nhiệm vụ chủ yếu là trông coi việc thu nhận thuế má do các hiệu đem nộp. Ví dụ: ở Cung Bắc (trực thuộc Công phiên) có 2 viên Tri phiên thu huyện Văn Giang, 2 Phó tri phiên thu huyện Võ Giàng và 2 viên Thiêm tri phiên thu huyện Hiệp Hòa (26). Nhưng về sau, kể từ sau hiệu định quan chế (1751), Trịnh Giang cho chấn chỉnh lại chức trách của các quan lại thì chức vụ Tri phiên trở nên rất quan trọng, chúa Trịnh chỉ giao cho một người kiêm giữ chức Thượng thư bên bộ tương ứng đảm nhiệm "các quan trong Lục bộ nắm giữ đại cương của Lục phiên" (27). Dưới Tri phiên vẫn để 2 viên Phó đô và 2 viên Thiêm đô như cũ.

Ngoài các Tri phiên, Phó tri phiên và Thiêm tri phiên chịu trách nhiệm điều hành chung còn có các thuộc lại gồm những *Nội sai* và *Lại viên*. Nội sai gồm có: Cầu kê, Phó Cầu kê, Cai tư, Cai hợp và Thủ hợp chịu trách nhiệm thực hiện các công việc hàng ngày của phiên. Lại viên gồm các viên: Thư tả, Lệnh sử, Xá nhân và Tướng thần lại, là những viên chức được tuyển dụng qua các kỳ thi thư toán giữ chức trách ghi chép sổ sách, chuyển đạt công văn, thừa hành mệnh lệnh của các quan trên sai phái. Như vậy, thành phần quan chức làm việc tại mỗi phiên gồm có: Tri phiên, Phó

tri phiên, Thiêm tri phiên, Nội sai và Lại viên.

Dưới phiên, là những cơ quan thừa hành, bao gồm:

- Các *Hiệu thu thuế theo địa phương* (phân phối theo các hiệu trưng thu).

- Các *Hiệu thu thuế theo sản vật* (tùy theo sản vật thu nhận, chúa Trịnh phân phối các hiệu trưng thu cho 6 phiên đảm trách).

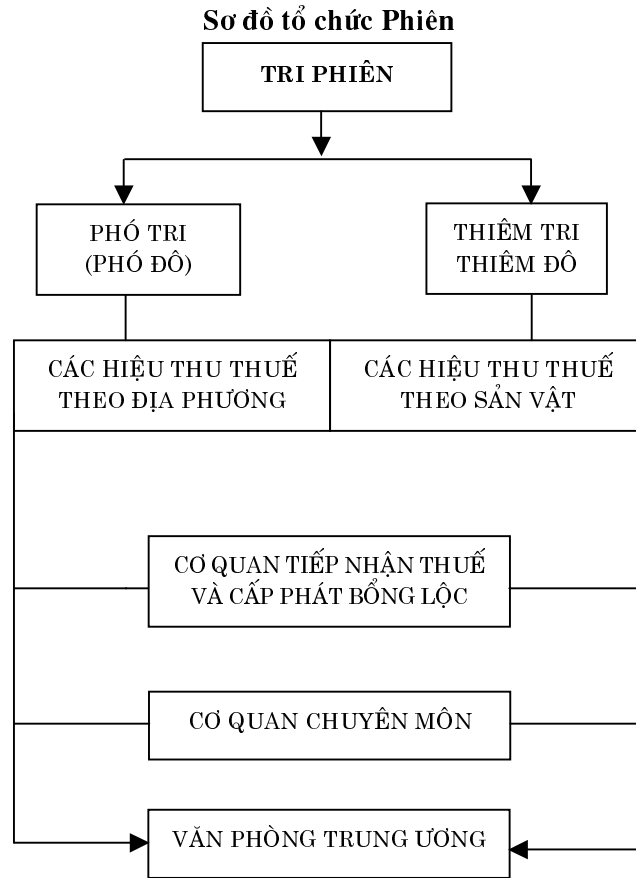
- Các *cơ quan tiếp nhận thuế và cấp phát bổng lộc* (tại mỗi phiên đều có một số hiệu tiếp nhận thuế do các hiệu thu về nộp và sau đó thực hiện việc cấp phát bổng lộc cho các quan theo lệnh của Chúa).

- Các *cơ quan chuyên trách những việc chuyên môn và văn phòng trung ương*.

Cơ cấu tổ chức của phiên ở phủ Chúa được sắp xếp đại thể như sau: (Xem sơ đồ tổ chức Phiên).

*

Về ngạch võ quan, lúc đầu họ Trịnh vẫn theo phiên chế của nhà Lê trước đó. Quân lính vẫn chia làm 5 phủ gọi là *Ngũ quân Đô đốc phủ*, gồm có: Trung quân, Nam quân, Bắc quân, Đông quân và Tây quân. Mỗi phủ đều có những chức: *Tả Hữu đô đốc, Đô đốc Đồng tri và Đô đốc Thiêm sự* chuyên trách việc quân. Năm 1664, cùng với việc đặt đủ số Thượng thư của sáu bộ bên triều đình, Trịnh Tạc đặt thêm chức *Chuông phủ sự, Thự phủ sự* cùng với Tham tụng bàn chính sự và bàn định các công việc trong phủ đồng thời tra xét các tờ khai tâu lên (28). Tham dự chức vụ này là các đại thần thân thuộc hay có công lao lớn như: Thái phó Khê quận công Trịnh Trượng giữ chức Trung quân Đô đốc phủ Tả đô đốc *Chuông phủ sự*; Lỵ quận công Trịnh Đống giữ chức Đông quân Đô đốc phủ Tả đô đốc *Chuông phủ sự*; Thiệu úy



(Trong sáu phiên trừ Hộ phiên không có cơ quan điều tra chuyên môn, còn lại đều có các cơ quan giống nhau, tên hiệu cũng như tên cơ quan cụ thể thì tùy thuộc vào từng phiên mà có tên gọi khác nhau)

Vân quận công Trịnh Kiên giữ chức Nam quân Đô đốc phủ Tả đô đốc *Thự phủ sự*. Hào quận công Lê Thì Hiến giữ chức Tây quân Đô đốc phủ Tả đô đốc *Thự phủ sự*; Thiếu phó Điện quận công Trịnh ố giữ chức Bắc quân Đô đốc phủ Tả đô đốc *Thự phủ sự* (29). Từ đời Bảo Thái (1720-1729) về sau, các chức đứng đầu Ngũ quân Đô đốc phủ lại phần nhiều do quan văn nắm giữ như Quốc lão Đặng Đình Tướng làm Chưởng phủ sự, Tham tụng Nguyễn Công Cơ làm *Thự phủ sự* (30).

Các chức Chưởng phủ sự, *Thự phủ sự*, bên ngạch võ gọi là *quan Ngũ phủ*. Các

chức Tham tụng, Bồi tụng bên ngạch văn gọi là *quan Phủ liêu* (31). Quan Ngũ phủ và Phủ liêu hợp thành một cơ quan tối cao ở trung ương gọi là *Ngũ phủ phủ liêu* - đặt dưới quyền điều khiển của chúa Trịnh.

Công việc của các quan Chưởng phủ, *Thự phủ* ở Ngũ phủ và Tham tụng ở Phủ liêu là: 1. Uốn nắn lòng vua, 2. Chọn lựa quan lại, 3. Bàn phép trị dân, 4. Thẩm xét binh cơ, 5. Chế định tài chính, 6. Định lệ kiện tụng, 7. Hội kê đình diên, 8. Làm đúng thưởng phạt, 9. Giữ đúng pháp luật (32). Còn các viên Quyền phủ (đứng đầu Ngũ phủ nhưng có phẩm hàm thấp), Bồi

tụng (phẩm hàm dưới Tham tụng) "phải theo các chức Chuởng phủ, Thự phủ, Tham tụng mà bàn định các công việc nên làm, cùng là hội đồng với các quan Thiêm sai để xét hỏi những tờ khải tâu lên" (33).

Quá trình lập ra Ngũ phủ phủ liêu cùng các cơ quan giúp việc (từ Tam phiên đến Lục phiên) là cả một quá trình thâm tóm dần quyền hành từ Cung Vua về Phủ Chúa của họ Trịnh. Triều đình vua Lê tuy vẫn còn đầy đủ lệ bộ nhưng chỉ là những chức quan hư hàm có tính chất nghi thức. Chúa Trịnh trên danh nghĩa chỉ xưng vương và đứng đầu Ngũ phủ phủ liêu, nhưng thực tế lại là một vị chúa tể đứng đầu Nhà nước trong gần 2 thế kỷ từ 1559 đến 1786. Mọi cái gọi là cải cách chính quyền thời Lê - Trịnh (từ Trịnh Tùng cho tới Trịnh Cương) *không ngoài mục đích nhằm thâm tóm dần quyền lực về tay nhà Chúa*. Ngai vàng của vua Lê lúc này chẳng qua chỉ là để làm vì còn mọi tổ chức chính quyền Nhà nước đều do chúa Trịnh núp dưới danh hiệu vua Lê quyết đoán. Suy cho cùng những thay đổi về một số tổ chức chính quyền, hình thành nên Ngũ phủ phủ liêu và Lục phiên thời chúa Trịnh chỉ làm cho bộ máy chính quyền Nhà nước càng thêm công kênh và phức tạp. Trong khi những cơ quan vốn có từ bên triều đình, thực tế không còn hoạt động, nhưng vẫn phải duy trì. Sau khi đặt Lục phiên được 2 năm, năm 1720 tuy Trịnh Cương đã cho khôi phục lại quan chế thời Hồng Đức (34) nhưng "chẳng qua chỉ nói đại khái về cấp bậc, phẩm trật thuyên chuyển cất nhắc mà thôi" (35), còn những "chức trọng yếu trong hàng đại thần được gia phong thì không câu nệ" (36).

Điều đó càng chứng tỏ rằng họ Trịnh ngày một hoàn thiện quá trình thâm tóm mọi quyền hành ở triều đình thông qua bộ

máy chính quyền trung ương do họ Trịnh từng bước lập ra.

*

Ở địa phương, tổ chức chính quyền các cấp thì chúa Trịnh hầu như vẫn giữ nguyên như thời Lê sơ. Duy chỉ đổi tên gọi cấp Đạo thành Trấn (Nội trấn, Ngoại trấn).

Nội trấn là những trấn ở đồng bằng (Hải Dương, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc) và Ngoại trấn là những trấn ở xa (Lạng Sơn, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Tuyên Quang, An Quảng) và hai trấn Thanh Hóa, Nghệ An vẫn giữ nguyên. Như vậy, ở Đàng Ngoài có 11 trấn thuộc quyền quản lý của chúa Trịnh (cùng với 2 trấn Thuận Hóa, Quảng Nam thuộc quyền cai quản của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong).

Bộ máy quản lý cấp trấn có: *Trấn ty*, *Thừa ty* và *Hiển ty*. Trấn ty gần giống Đô ty thời Lê Thánh Tông (37). Trấn ty có nhiệm vụ nắm giữ binh quyền và phụ trách tuần phòng ở địa phương. Quyền hạn đứng trên Thừa ty và Hiển ty.

Đứng đầu Trấn ty có các chức: *Trấn thủ*, *Đốc trấn* hay *Lưu thủ*, thường là những võ quan cao cấp do phủ Chúa bổ nhiệm. ở các trấn bình thường, đặt chức quan gọi là Trấn thủ. Riêng 3 xứ Cao Bằng, Lạng Sơn và Nghệ An vì có nhiều việc về biên giới đặt chức Đốc trấn. Thanh Hóa là chỗ căn bản quan trọng cho đặt chức Lưu thủ. Tên quan tuy không giống nhau, nhưng chức vụ coi trấn thì vẫn là một (38). Vào đời Bảo Thái (1720-1729), đặt thêm chức *Tuần thủ* ở các trấn trực thuộc Trấn ty do một võ quan đảm nhiệm để đi tuần các nơi quan yếu. Vào giữa đời Vĩnh Hựu (1735-1740) lại đổi chức Lưu thủ, Trấn thủ các trấn làm chức *Đốc phủ*, tên chức khác hẳn xưa (39).

Ngoài Trấn thủ, Đốc trấn hay Lưu thủ, trong Trấn ty còn đặt thêm các chức *Đốc đồng* và *Đốc thị*. Ở những trấn bình thường đặt chức Đốc đồng, coi việc khám xét kiện cáo, lấy quan văn (hàng tứ, ngũ phẩm) trở xuống vào làm. Ở những trấn lớn như Nghệ An thì cho đặt chức Đốc thị, dự coi việc biên cương, cũng lấy quan văn (hàng tam, tứ phẩm) vào làm (40).

Nhiệm vụ của Thừa ty và Hiến ty vẫn giống như thời Lê sơ. Thừa ty trông coi công việc hành chính (hộ tịch, tiền thóc, kiện tụng), Hiến ty coi việc tư pháp trong trấn (đàn hạch, khám đoán, xét hỏi, hội đồng kiểm soát, khảo khóa, tuần hành...) (41).

Nhằm thu tóm mọi quyền hành ở địa phương, trước hết là cấp trấn, đặc biệt là Nội trấn - 4 trấn chung quanh kinh đô Thăng Long, năm 1642 Trịnh Tráng đã phái các con như: Thái bảo Tây quận công Trịnh Tạc trấn thủ trấn Sơn Nam; Thái bảo Phủ quận công Trịnh Lịch trấn thủ Sơn Tây; Quỳnh Nham quận công Trịnh Lệ trấn thủ Kinh Bắc và Thiếu úy Hoa quận công Trịnh Sâm trấn thủ Hải Dương (42). Ngoài việc dùng con đi trấn trị ở các trọng trấn, Trịnh Tráng còn cử các cận thần như: Thái thường tự khanh Phạm Công Trứ, Binh bộ Hữu thị lang Nguyễn Trừng, Công bộ Hữu thị lang Nguyễn Bình, Hộ khoa cấp sự trung Nguyễn Nhân Trừ, đều sung làm chức *Tán lý* ở bốn trấn trên (43). Giao cho họ nhiệm vụ sửa chữa thay đổi chính lệnh thối nát, vỗ về yên ủi nhân dân địa phương. Còn những trấn xa xôi hoặc miền biên viễn thì họ Trịnh cho quan trấn thủ các nội trấn kiêm lĩnh hay giao cho một viên cận thần trong triều phụ trách. Những viên quan này thường không trực tiếp làm việc ở các ngoại trấn mà họ thường đóng ở các nội trấn và điều hành công việc thông qua một tầng lớp trung gian giúp việc, chứng tỏ họ

Trịnh không có khả năng kiểm soát hết được các ngoại trấn xa xôi.

Đối với các cấp dưới trấn (châu, huyện), họ Trịnh không có thay đổi gì mấy. Riêng ở cấp xã thì vào năm Vĩnh Thọ thứ nhất (1658), Trịnh Tạc đã lệnh cho "các châu, huyện chọn đặt Xã trưởng, Xã sử, Xã tư, lấy nho sinh, sinh đồ làm chức ấy" (44). Đến giữa đời Cảnh Trị (1663-1672), Trịnh Tạc lại sai chọn con em nhà lương thiện cho làm Xã trưởng để dạy dỗ nhân dân trong xã, cứ 3 năm một lần khảo xét, xã trưởng có nhiều thành tích có thể thăng lên Huyện quan (45). Đến đời Bảo Thái (1720-1729), Trịnh Cương quy định số Xã trưởng của từng loại xã lớn, xã vừa, xã nhỏ và xác định trách nhiệm của Xã trưởng là "coi giữ làng mạc, thu nộp thuế điền, thuế đinh, nếu hai lần khảo khóa đều làm giỏi, được cất nhắc cho chức phẩm". Lệ cứ 3 năm xét một lần. Nhưng về sau lệ ấy không còn được thi hành nữa, Nhà nước không còn nắm được tổ chức xã thôn như trước, phép khảo khóa không còn tác dụng, chức xã quan không coi trọng nữa (46). Đặc biệt, từ đời Long Đức (1732-1735) trở đi, việc đặt xã trưởng được giao về cho dân tự quyết (47). Điều đó chứng tỏ rằng Nhà nước Lê - Trịnh, nhất là họ Trịnh càng về sau càng không đủ sức để vươn tới nắm lấy chính quyền ở cấp xã thôn.

*

Trên đây là phác đồ về tổ chức bộ máy chính quyền thời Lê-Trịnh: Ở Trung ương có tổ chức Lục bộ ở Triều đình và tổ chức Lục phiên bên Phủ Chúa, còn ở địa phương ngoại trừ chuyển đổi cấp Đạo thành Trấn còn các cấp châu, phủ, huyện, xã thì vẫn được giữ nguyên như thời Lê sơ.

Tuy bộ máy chính quyền Nhà nước ở Trung ương có phần phức tạp, nhưng đội ngũ quan chức lại được giảm bớt. Theo Lê

Quý Đôn thì tổng số quan lại cao cấp thời Lê Trung hưng kể từ các hạng quân binh bên hàng võ và hạng được dự triều ban bên hàng văn không quá 300 người và tổng số quan lại ở cấp dưới, từ hàng tòng hiệu, chánh phó đội bên võ, quan lại ở các bộ, các tự, các phiên cho đến Tham nghị, Hiến phó và phủ huyện bên văn cũng không quá 200 người: "So với quan chế đời Hồng Đức chỉ độ một phần mười" (48). Còn theo *Lê triều quan chế* thì tổng số quan lại cả văn lẫn võ trong kinh và ngoài trấn gồm 4.883 người (49), trong khi đó tổng số quan lại thời Hồng Đức là 5.398 người. Vậy số quan lại thời Lê - Trịnh ít hơn số quan lại thời Hồng Đức là 515 người. Mặc dầu số liệu của hai nguồn tài liệu trên có khác nhau, chênh lệch nhau nhưng đều cho thấy số quan lại thời Lê - Trịnh ít hơn nhiều thời Hồng Đức. Mặc dù, số lượng quan chức được tinh giản, nhưng bộ máy chính quyền Nhà nước đặt ra cổng kênh (gồm nhiều phiên hiệu) làm cho số quan lại dư thừa (có đủ phẩm tước, bổng lộc nhưng không hoạt động) lại tăng lên nhiều, làm cho bộ máy quan chức thời kỳ này mang nặng tính quan liêu sâu mọt.

Xuất phát từ tình hình chính trị-xã hội, đất nước vừa thoát khỏi cuộc chiến tranh Nam, Bắc triều lại phải lo theo đuổi cuộc chiến tranh chống họ Nguyễn ở Đàng Trong nên bộ máy quan chức thời Lê - Trịnh có đặc điểm là thiên về trọng võ. Đội ngũ võ quan được coi trọng và luôn giữ những trọng trách cao hơn quan văn.

Thời gian đầu chỉ có võ quan cao cấp, đứng đầu Ngũ phủ mới được tham dự triều chính và giải quyết các việc quốc gia đại sự tại phủ Chúa. Sau khi cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn kết thúc, năm 1673, Trịnh

Tạc mới bắt đầu cho văn thân vào hầu trong phủ Chúa để bàn luận công việc gọi là "nhập các" (50). Tại các trấn, hồi đầu nhà Trịnh cũng dùng những võ quan tin cậy đứng đầu, nhưng về sau từ năm 1721, Trịnh Cương đã cho quan văn vào giữ trọng trách này, chẳng hạn như Tham tụng Đinh Phủ ích làm Đốc trấn Lạng Sơn (51). Hoặc là quan văn bắt đầu được giữ những chức vụ ở Ngũ phủ, mà trước đây chỉ có quan võ mới được làm như Quốc lão Đặng Đình Tướng giữ chức Chương phủ sự và Tham tụng Nguyễn Công Cơ giữ chức Thự phủ sự v.v... (52).

Dầu là quan văn hay quan võ, ở Lục bộ hay Lục phiên, trong triều hay ngoài trấn, những cương vị chủ chốt, trước sau gì cũng đều do người của phủ Chúa nắm giữ. Chúa Trịnh đã vô hiệu hóa hoàn toàn ngai vị của vua Lê, nắm quyền cai trị đất nước.

Thực trạng lịch sử này đã nói lên sự sa sút, yếu kém của chính quyền phong kiến nhà Lê thời Lê Trung hưng. Chưa ở thời kỳ nào, kể từ khi có chính quyền quân chủ độc lập (thế kỷ X) cho đến khi kết thúc vương triều phong kiến cuối cùng trong lịch sử (triều Nguyễn) lại xuất hiện một thể chế chính quyền đặc biệt: vừa *Vua* - vừa *Chúa*, hai dòng họ khác nhau, cùng điều hành chính sự, vừa *Lục bộ* bên triều đình, vừa *Lục phiên* bên phủ Chúa - hai tổ chức chính quyền cùng song hành tồn tại *một thể chế chính trị hết sức đặc biệt trong lịch sử của chế độ quân chủ Việt Nam*. Tiếc rằng vị vua cuối cùng của nhà Lê - Lê Chiêu Thống chưa kịp thực thi những chính sách riêng của mình nhằm xóa bỏ phủ Chúa giành lại uy quyền đích thực cho nhà vua thì lịch sử đã sang trang.

CHÚ THÍCH

(1), (2). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập IV. Bản dịch Nxb. Khoa học xã hội, 1973, tr. 226 - 227.

- *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (*Cương mục*), tập II. Nxb Giáo dục, 1998, tr. 222.

(3), (4). *Cương mục*, tập II. Sdd, tr. 222.

(5). 11 đời Chúa là: Bình An vương Trịnh Tùng (1570-1623), Thanh Đô vương Trịnh Tráng (1623-1657), Tây vương Trịnh Tạc (1657-1682), Định vương Trịnh Căn (1682-1709), An vương Trịnh Cương (1709-1729), Toàn vương Trịnh Giang (1729-1740), Minh Đô vương Trịnh Doanh (1740-1767), Thịnh vương Trịnh Sâm (1767-1786), Điện Đô vương Trịnh Cán (1782), Đoan Nam vương Trịnh Khải (1782-1786) và Ấn Đô vương Trịnh Bồng (1787-1788).

(6). 13 đời Vua Lê là: Thế tông Nghị Hoàng đế (1673-1699), Kính tông Huệ Hoàng đế (1600-1619), Thần tông Chuyên Hoàng đế (1619-1643) (1649-1662), Chân tông Thuận Hoàng đế (1644-1749), Huyền tông Mục Hoàng đế (1663-1671), Gia tông Mỹ Hoàng đế (1672-1675), Hy tông Chương Hoàng đế (1676-1705), Dụ tông Hòa Hoàng đế (1732-1735), Lê đế Duy Phường (1729-1732), Thuần tông Giản Hoàng đế (1732-1735), Ý tông Hy Hoàng đế (1735-1740), Hiến tông Vĩnh Hoàng đế (1740-1786) và Mẫn đế Duy Kỳ (1787-1788).

(7). *Cương mục*, tập II. Sdd, tr. 222.

(8), (9). *Lê triều quan chế*. Phạm Văn Liệu dịch, Viện Sử học và Nxb Văn hóa Thông tin xuất bản, 1977, tr. 30 - 31.

(10), (11). *Lê triều quan chế*. Sdd, tr. 32.

(12). *Lê triều quan chế*. Sdd, tr. 31.

(13), (14). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II. Nxb Sử học, 1961, tr. 20.

(15). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II. Sdd, tr. 20-21.

(16). *Cương mục*, tập II. Sdd, tr. 309.

(17). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II. Sdd, tr. 35.

- *Cương mục*, Sdd tập II, tr. 334 -335.

(18), (19). *Cương mục*, tập II. Sdd, tr. 411-412.

- Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II. Sdd, tr. 26.

(20), (21). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập III. Sdd, tr. 85.

(22), (23). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập III. Sdd, tr. 86 - 88.

(24). *Cương mục*, tập II. Sdd, tr. 412.

(25). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II. Sdd, tr. 26.

(26). Sử thần triều Lê: *Lê triều hội điển*. Bản dịch Trần Lê Hữu, 1966, bản đánh máy, tr. 184.

(27). *Cương mục*, tập II. Sdd, tr. 615.

(28), (29). *Cương mục*, tập II. Sdd, tr. 308.

(30), (31). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II. Sdd, tr. 27.

(32), (33). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II. Sdd, tr. 36 - 39.

(34), (35). *Cương mục*, tập II. Sdd, tr. 417, 418.

(36). *Cương mục*, tập II. Sdd, tr. 417.

(37), (38). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II. Sdd, tr. 29.

(39), (40). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II. Sdd, tr. 30.

(41). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II. Sdd, tr. 30.

(42), (43). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II. Sdd, tr. 252, 253.

(44), (45). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II. Sdd, tr. 32.

(46), (47). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II. Sdd, tr. 32.

(48). *Lê Quý Đôn toàn tập*, tập II (*Kiến văn tiểu lục*). Nxb Khoa học xã hội, 1977, tr. 122.

(49). *Lê triều quan chế*. Sdd, tr. 65.

(50), (51). *Cương mục*, tập II. Sdd, tr. 331, 428.

(52). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II. Sdd, tr. 27.